TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Liên;
2. bà Nguyễn Thị Chung.

Thư ký phiên tòa*:* ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Hồng Q, sinh năm 2001.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Hồng Q trình bày: Chị và anh Vũ Văn T tự nguyện chung sống từ năm 2017 nhưng đến ngày 14/02/2020 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn giữa chị với gia đình bên chồng, anh T thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh T từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Q đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung*:* Chị Q khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Vũ Khả N, sinh ngày 08/7/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu N do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nhưng sau đó anh T đón cháu N về nuôi nên giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không muốn làm mất trật tự trị an thôn xóm nên chị Q đã để anh T đưa cháu về nuôi. Chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, hiện tại chị bán hàng online thu nhập hàng tháng khoảng 9 triệu đến 10 triệu đồng.

Về tài sản: Chị Vũ Thị Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ, triệu tập anh Vũ Văn T đến Toà án để viết bản khai nhưng anh T không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do nên không có bản khai của anh T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Q đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng Q và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Q, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn giữa chị với gia đình chồng nên anh T thường xuyên chửi bới và đánh đập chị. Kết quả xác minh ngày 19/11/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, quá trình chung sống giữa chị Q và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Một thời gian dàivợ chồng sống ly thân vàkhông còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ

chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Q được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Q khai, vợ chồng có một con chung,cháu tên là Vũ Khả N, sinh ngày 08/7/2018. Chị Q cũng xuất trình cho Tòa án bản sao chứng thực giấy khai sinh của cháu N, trong đó xác định cháu N là con chung của chị Q và anh T, nên đủ cơ sở khẳng định cháu N là con chung của chị Q và anh T. Chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N, do cháu N còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, giao cháu N cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản: Chị Vũ Thị Hồng Q không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Hồng Q và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Vũ Khả N, sinh ngày 08/7/2018 là con chung của chị Q và anh T. Giao cháu N cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấuđến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Q.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004202 ngày 01/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngàynhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương